

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : LÝ 10

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
C01-01	Nguyễn Phạm An	204	34	8.5
C01-02	Võ Phúc Tâm An	201	27	6.8
C01-03	Vũ Thiên Ân	203	23	5.8
C01-04	Bùi Lê Trâm Anh	204	24	6
C01-05	Trương Ngọc Trâm Anh	201	22	5.5
C01-06	Bùi Ngô Bích Châu	202	22	5.5
C01-07	Phạm Khánh Đoan	202	32	8
C01-08	Nguyễn Vũ Nhật Duy	202	34	8.5
C01-09	Trần Nguyễn Hải Duy	203	20	5
C01-10	Hà Hương Giang	203	13	3.3
C01-11	Nguyễn Nguyên Giáp	201	18	4.5
C01-12	Nguyễn Đỗ Gia Hân	204	27	6.8
C01-13	Trần Ngọc Hân	201	20	5
C01-14	Nguyễn Hiệp Minh Hào	203	28	7
C01-15	Trần Anh Hậu	204	20	5
C01-16	Nguyễn Tăng Hiếu	201	22	5.5
C01-17	Trần Hiếu	202	17	4.3
C01-18	Đoàn Duy Hoàng	203	22	5.5
C01-19	Nguyễn Văn Duy Hưng	204	34	8.5
C01-20	Nguyễn Đỗ Phi Lam	203	20	5
C01-21	Lương Phan Hữu Lễ	204	35	8.8
C01-22	Lê Ngọc Khánh Linh	203	26	6.5
C01-23	Trương Thị Hồng Mai	203	30	7.5
C01-24	Lê Nguyễn Trà My	201	31	7.8
C01-25	Mai Phương Nghi	204	22	5.5
C01-26	Huỳnh Bội Như	202	17	4.3
C01-27	Nguyễn Thị Hồng Nhung	201	24	6
C01-28	Au Dương Gia Phúc	204	23	5.8
C01-29	Trần Tường Phước	203	16	4
C01-30	Lê Cúc Phương	202	12	3
C01-31	Lê Kiến Quốc	204	21	5.3
C01-32	Đỗ Ngọc Thạch	203	25	6.3
C01-33	Vũ Minh Thành	204	32	8
C01-34	Vũ Văn Thịnh	204	34	8.5
C01-35	Tiêu Bùi Minh Thu	203	26	6.5
C01-36	Đào Nguyễn Minh Thư	204	24	6
C01-37	Đoàn Minh Thư	201	23	5.8
C01-38	Nguyễn Thị Thanh Thùy	204	21	5.3
C01-39	Đào Huyền Trân	203	30	7.5
C01-40	Lê Thị Quỳnh Trang	203	19	4.8
C01-41	Trần Thị Thu Trang	204	26	6.5
C01-42	Nguyễn Ngọc Tuấn	201	22	5.5
C01-43	Châu Thị Hải Yến	201	17	4.3
C01-44	Nguyễn Khanh Bảo Châu	205	12	3
C01-45	Nguyễn Tiên Đạt	205	12	3
C01-46	Trình Quang Thắng			
C01-47				
C01-48				
C01-49				
C01-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : LÝ 10

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
C02-01	Lê Thị Nhã Ai	204	23	5.8
C02-02	Nguyễn Việt Thái Anh	202	20	5
C02-03	Lê Trần Phương Anh	203	29	7.3
C02-04	Trần Ngọc Tú Anh	204	33	8.3
C02-05	Lê Nguyễn Phúc Anh	201	32	8
C02-06	Phạm Hoàng Lan Anh	204	15	3.8
C02-07	Đỗ Hoàng Lan Anh	203	10	2.5
C02-08	Nguyễn Sơn Ngọc Anh	204	25	6.3
C02-09	Nguyễn Nguyên Bảo	204	27	6.8
C02-10	Lương Huỳnh Đạt	204	17	4.3
C02-11	Lê Khánh Duy	202	25	6.3
C02-12	Lê Thị Quỳnh Giao	204	18	4.5
C02-13	Phạm Trần Bảo Hân	202	17	4.3
C02-14	Nguyễn Hoàng Ngọc Hân	203	15	3.8
C02-15	Nguyễn Khả Hoàng Hiếu	203	32	8
C02-16	Châu Gia Huê	203	19	4.8
C02-17	Lê Phạm Gia Huy	201	26	6.5
C02-18	Lê Nguyễn Anh Khôi	202	30	7.5
C02-19	Lê Trần Tuấn Kiệt	201	35	8.8
C02-20	Võ Anh Kiệt	204	27	6.8
C02-21	Cát Tuấn Kiệt	201	21	5.3
C02-22	Nguyễn Thị Ngọc Linh	202	16	4
C02-23	Mai Đức Minh	201	25	6.3
C02-24	Lê Thị Bích Ngọc	203	15	3.8
C02-25	Từ Thêm Nguyên	203	21	5.3
C02-26	Hoàng Nguyệt Uyên Nhi	203	25	6.3
C02-27	Phạm Vũ Tuyết Nhi	202	29	7.3
C02-28	Lý Hoàng Gia Như	201	18	4.5
C02-29	Nguyễn Thị Hồng Phúc	203	29	7.3
C02-30	Nguyễn Hoàng Phúc	202	35	8.8
C02-31	Nguyễn Trần Nam Phương	203	28	7
C02-32	Nguyễn Quốc Thái	204	25	6.3
C02-33	Đào Phương Thảo	201	24	6
C02-34	Nguyễn Châu Tấn Thịnh	203	32	8
C02-35	Nguyễn Trần Anh Thư	204	24	6
C02-36	Mạch Thị Thùy	203	21	5.3
C02-37	Trần Thị Kiều Trinh	202	26	6.5
C02-38	Trần Thị Linh Tuyền	204	21	5.3
C02-39	Trần Võ Tường Vân	203	23	5.8
C02-40	Phan Phước Nhật Vững	201	20	5
C02-41	Đoàn Ngọc Kiều Vy	201	20	5
C02-42	Lê Thị Như Ý	202	27	6.8
C02-43	Phan Bùi Hải Yến	204	19	4.8
C02-44	Ngô Gia Huy	205	11	2.8
C02-45	Lương Vĩ Lạc	205	13	3.3
C02-46				
C02-47				
C02-48				
C02-49				
C02-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : LÝ 10

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
C03-01	Hoàng Bảo An	202	27	6.8
C03-02	Lưu Thục Anh	202	21	5.3
C03-03	Nguyễn Hải Anh	201	30	7.5
C03-04	Hoàng Trần Tú Anh	204	20	5
C03-05	Nguyễn Thị Ngọc Anh	203	32	8
C03-06	Huỳnh Dương Chi Bảo	201	14	3.5
C03-07	Nguyễn Gia Bảo	202	34	8.5
C03-08	Nguyễn Tiến Dũng	204	22	5.5
C03-09	Tăng Duy	201	29	7.3
C03-10	Nguyễn Khánh Duy	204	27	6.8
C03-11	Nguyễn Lê Ngọc Hân	204	19	4.8
C03-12	Tô Nguyễn Mạnh Hào	204	24	6
C03-13	Nguyễn Thị Anh Hương	201	30	7.5
C03-14	Lê Nguyễn Gia Huy	204	17	4.3
C03-15	Mai Văn Khánh	203	26	6.5
C03-16	Lý Thiên Kim	204	25	6.3
C03-17	Nguyễn Ngọc Diệu Linh	203	32	8
C03-18	Nguyễn Lâm Thùy Linh	204	24	6
C03-19	Dương Thị Trúc Ly	203	22	5.5
C03-20	Vũ Khánh Ly	202	25	6.3
C03-21	Trần Thị Trà My	202	19	4.8
C03-22	Phạm Vĩnh Nghi	201	27	6.8
C03-23	Hà Tô Quang Ngọc			
C03-24	Nguyễn Thị Quỳnh Nhi	201	34	8.5
C03-25	Võ Quỳnh Như	204	28	7
C03-26	Nguyễn Tấn Phát	204	27	6.8
C03-27	Nguyễn Ngọc Phương Quyên	203	22	5.5
C03-28	Nguyễn Văn Sang	202	12	3
C03-29	Nguyễn Võ Tân Thành	203	33	8.3
C03-30	Huỳnh Thị Hương Thảo	204	24	6
C03-31	Nông Đức Thịnh	202	28	7
C03-32	Phạm Hoàng Anh Thư	203	30	7.5
C03-33	Lưu Anh Thư	202	28	7
C03-34	Vũ Thiên Thương	203	20	5
C03-35	Lê Hoàng Minh Thương	204	27	6.8
C03-36	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	204	34	8.5
C03-37	Trần Quốc Tuấn	204	17	4.3
C03-38	Nguyễn Gia Cát Tường	201	34	8.5
C03-39	Nguyễn Ngọc Nhã Uyên	202	21	5.3
C03-40	Lê Vũ Thủy Yên	204	28	7
C03-41	Nguyễn Minh Quân	205	12	3
C03-42	Nguyễn Lâm Hữu Tài	205	10	2.5
C03-43	Lê Đỗ Phương Trâm			
C03-44				
C03-45				
C03-46				
C03-47				
C03-48				
C03-49				
C03-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : LÝ 10

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
C04-01	Huỳnh Nhật Quốc Anh	201	23	5.8
C04-02	Trần Ngọc Trâm Anh	202	19	4.8
C04-03	Nguyễn Thị Thuý Anh	203	21	5.3
C04-04	Bùi Đoàn Gia Bảo	203	23	5.8
C04-05	Nguyễn Thị Ngọc Bích	201	31	7.8
C04-06	Huỳnh Thúy Bình	203	24	6
C04-07	Hồ Thị Linh Chi	202	24	6
C04-08	Võ Tấn Cường	201	26	6.5
C04-09	Nguyễn Trần Trí Đức	204	24	6
C04-10	Lê Thị Mỹ Duyên	203	35	8.8
C04-11	Nguyễn Gia Hân	201	23	5.8
C04-12	Lê Thị Anh Hồng	202	16	4
C04-13	Huỳnh Trương Trung Hưng	201	11	2.8
C04-14	Bùi Xuân Huy	203	20	5
C04-15	Nguyễn Gia Huy	202	24	6
C04-16	Đoàn Lê Nguyên Khang	204	31	7.8
C04-17	Vũ Anh Khoa	201	27	6.8
C04-18	Lương Thị Thùy Linh	201	12	3
C04-19	Huỳnh Thế Lương	204	26	6.5
C04-20	Chu Duy Đức Mạnh	203	18	4.5
C04-21	Nguyễn Đoàn Hà My	203	28	7
C04-22	Huỳnh Hao Nam	201	30	7.5
C04-23	Nguyễn Yến Nhi	204	18	4.5
C04-24	Lưu Đại Phát	201	27	6.8
C04-25	Nguyễn Xuân Phú	201	20	5
C04-26	Nguyễn Thị Kim Phụng	201	13	3.3
C04-27	Nguyễn Mỹ Phương	204	23	5.8
C04-28	Hà Trí Quyền	201	15	3.8
C04-29	Nguyễn Duy Tài	201	22	5.5
C04-30	Đỗ Đức Tài	202	16	4
C04-31	Bùi Nguyễn Thảo Tâm	203	31	7.8
C04-32	Bùi Hồng Minh Tâm	202	26	6.5
C04-33	Đỗ Trọng Tấn	202	21	5.3
C04-34	Võ Nguyễn Xuân Thanh	204	36	9
C04-35	Tổng Mai Thảo	201	23	5.8
C04-36	Vũ Hoàng Minh Thy	202	33	8.3
C04-37	Võ Ngọc Trai	203	28	7
C04-38	Đặng Võ Ngọc Trâm	201	19	4.8
C04-39	Lương Huỳnh Hà Tuyên	201	19	4.8
C04-40	Hồ Ngọc Tường Vy	202	32	8
C04-41	Mai Kim Xuyên	201	21	5.3
C04-42	Đặng Thị Hồng Yến	203	20	5
C04-43	Nguyễn Ngọc Trọng	205	15	3.8
C04-44	Nguyễn Ngọc Trường	205	13	3.3
C04-45				
C04-46				
C04-47				
C04-48				
C04-49				
C04-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : LÝ 10

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
C05-01	Lê Nguyễn Thu An	203	22	5.5
C05-02	Phạm Minh Anh	204	19	4.8
C05-03	Nguyễn Hoàng Thái Anh	201	25	6.3
C05-04	Nguyễn Việt Anh	202	17	4.3
C05-05	Võ Thành Đạt	201	28	7
C05-06	Lưu Hồ Khang Dũng	201	26	6.5
C05-07	Vũ Lê Bảo Duyên	204	28	7
C05-08	Phạm Minh Hiệp	204	20	5
C05-09	Nguyễn Trung Hiếu	204	32	8
C05-10	Nguyễn Hà Mạnh Hùng	204	15	3.8
C05-11	Nguyễn Huỳnh Đức Huy	203	17	4.3
C05-12	Nguyễn Hiếu Khoa	204	36	9
C05-13	Phạm Ngọc Diệu Linh	202	15	3.8
C05-14	Tăng Minh Mẫn	201	13	3.3
C05-15	Nguyễn Trần Khánh My	202	17	4.3
C05-16	Tăng Đăng Thanh Ngọc	201	20	5
C05-17	Đặng Kim Ngọc	204	30	7.5
C05-18	Nguyễn Hoàng Khánh Ngụ	204	20	5
C05-19	Châu Phước Nguyên	201	29	7.3
C05-20	Trần Hải Nhạn	204	15	3.8
C05-21	Lý Bửu Nhi	203	32	8
C05-22	Trần Thị Yến Nhi	202	32	8
C05-23	Nguyễn Hoàng Oanh	204	20	5
C05-24	Trần Ngọc Thanh Phong	204	23	5.8
C05-25	Nguyễn Hữu Phúc	203	25	6.3
C05-26	Vòng Mạnh Quân	202	13	3.3
C05-27	Nguyễn Thành Quý	203	27	6.8
C05-28	Nguyễn Thị Như Quỳnh	204	27	6.8
C05-29	Nguyễn Vũ Trúc Quỳnh	201	19	4.8
C05-30	Hồng Minh Sang	203	24	6
C05-31	Văn Hoàng Sơn	201	29	7.3
C05-32	Gip Thanh Sơn	204	20	5
C05-33	Nguyễn Ngọc Thảo	202	28	7
C05-34	Trần Khương Vương Thống	202	23	5.8
C05-35	Trần Khả Anh Thư	201	25	6.3
C05-36	Trần Nguyễn Anh Thư	204	26	6.5
C05-37	Trần Đăng Minh Thư	201	16	4
C05-38	Trương Ngô Ngọc Thuy	201	20	5
C05-39	Vì Tú Trân	202	12	3
C05-40	Trương Tá Tường	203	24	6
C05-41	Mai Lê Phương Uyên	203	16	4
C05-42	Trương Thị Đan Vy	203	21	5.3
C05-43	Phan Hào Vỹ	204	19	4.8
C05-44	Lê Nguyễn Cát Tường	205	9	2.3
C05-45				
C05-46				
C05-47				
C05-48				
C05-49				
C05-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : LÝ 10

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
C06-01	Cao Thanh Ân	202	21	5.3
C06-02	Phạm Duy Anh	203	20	5
C06-03	Lê Hoàng Anh	202	32	8
C06-04	Dương Quốc Bảo	204	15	3.8
C06-05	Nguyễn Thị Ngọc Bích	202	25	6.3
C06-06	Nguyễn Trọng Cường	204	29	7.3
C06-07	Vũ Mạnh Cường	203	19	4.8
C06-08	Nguyễn Tiến Dũng	202	22	5.5
C06-09	Đinh Hữu Thục Hân	202	21	5.3
C06-10	Chung Nguyễn Nhật Hào	201	20	5
C06-11	Trình Đăng Hưng	204	26	6.5
C06-12	Phạm Minh Kha	201	22	5.5
C06-13	Trần Anh Khôi	203	27	6.8
C06-14	Phạm Thị Ngọc Mai	204	18	4.5
C06-15	Lục Thị Tuyết Mai	201	23	5.8
C06-16	Lê Thị Thảo Mi	202	20	5
C06-17	Đặng Hồng Minh	201	37	9.3
C06-18	Lê Hoàng Minh	204	15	3.8
C06-19	Trương Tuyết Ngân	204	25	6.3
C06-20	Hà Mai Minh Ngân	201	14	3.5
C06-21	Trương Khánh Ngân	202	35	8.8
C06-22	Võ Uyên Hồng Ngọc	201	19	4.8
C06-23	Nguyễn Minh Ngọc	202	31	7.8
C06-24	Trần Nguyễn Bảo Ngọc	203	29	7.3
C06-25	Dương Yến Ngọc	204	22	5.5
C06-26	Lê Hoàng Ngọc	201	14	3.5
C06-27	Nguyễn Lê Ngọc Nhi	203	30	7.5
C06-28	Đoàn Nguyễn Quỳnh Như	201	22	5.5
C06-29	Nguyễn Thị Quỳnh Như	202	23	5.8
C06-30	Tô Minh Như	203	29	7.3
C06-31	Huỳnh Ngọc Như	204	23	5.8
C06-32	Đồng Thị Như	204	24	6
C06-33	Hoàng Ngọc Phát	204	20	5
C06-34	Nguyễn Đức Anh Quân	201	28	7
C06-35	Dương Thủy Quỳnh	202	17	4.3
C06-36	Nguyễn Song	204	18	4.5
C06-37	Lê Tân Phước Thọ	203	27	6.8
C06-38	Nguyễn Ngọc Thùy	202	12	3
C06-39	Bùi Tuệ Trần	201	23	5.8
C06-40	Lê Thụy Bảo Trần	204	21	5.3
C06-41	Võ Minh Trí	202	11	2.8
C06-42	Nguyễn Phạm Thái Tú	204	21	5.3
C06-43	Kan Đức Tuấn	203	19	4.8
C06-44	Trần Ngọc Tuyết Vân	201	20	5
C06-45	Nguyễn Lê Tường Vy	204	18	4.5
C06-46				
C06-47				
C06-48				
C06-49				
C06-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : LÝ 10

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
C07-01	Mai Thanh Thùy An	204	32	8
C07-02	Nguyễn Hoài An	201	18	4.5
C07-03	Nguyễn Trần Quốc Anh	201	22	5.5
C07-04	Nguyễn Phương Anh	204	14	3.5
C07-05	Ngô Bảo Anh	203	21	5.3
C07-06	Nguyễn Hoàng Minh Anh	202	33	8.3
C07-07	Nguyễn Tú Anh	203	33	8.3
C07-08	Vũ Thị Vân Anh	204	30	7.5
C07-09	Nguyễn Ngô Mỹ Chi	203	25	6.3
C07-10	Nguyễn Tấn Đạt	204	28	7
C07-11	Hà Kiến Di			
C07-12	Nguyễn Minh Đức	201	28	7
C07-13	Nguyễn Hồng Hà	202	21	5.3
C07-14	Nguyễn Lê Ngọc Hà	203	17	4.3
C07-15	Nguyễn Quỳnh Hoa	202	30	7.5
C07-16	Trần Xuân Hóa	201	19	4.8
C07-17	Tôn Nữ Thiên Hương	202	29	7.3
C07-18	Huỳnh Thiên Hương	203	18	4.5
C07-19	Thái Quang Huy	204	30	7.5
C07-20	Trần Nguyễn Gia Huy	201	31	7.8
C07-21	Vũ Đình Minh Khang	201	13	4.5
C07-22	Phạm Nguyễn Anh Khoa	203	26	6.5
C07-23	Trần Anh Khoa	202	34	8.5
C07-24	Trần Nguyễn Thành Lợi	204	28	7
C07-25	Trần Thanh Hiếu Minh	203	22	5.5
C07-26	Phạm Văn Minh	202	24	6
C07-27	Lê Nguyễn Thảo My	201	17	4.3
C07-28	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	202	20	5
C07-29	Hà Thị Quỳnh Như	201	29	7.3
C07-30	Đinh Bảo Như	202	23	5.8
C07-31	Lương Thành Phát	203	14	3.5
C07-32	Trần Tấn Phát	202	32	8
C07-33	Võ Hoàng Như Quỳnh	203	17	4.3
C07-34	Nguyễn Cao Sơn	203	21	5.3
C07-35	Huỳnh Trần Tài	203	15	3.8
C07-36	Mai Hiếu Thuận	202	15	3.8
C07-37	Phạm Thanh Thủy	204	37	9.3
C07-38	Dương Quách Kim Thy	203	25	6.3
C07-39	Nguyễn Quỳnh Trâm	202	14	3.5
C07-40	Trần Thị Thủy Trính	203	23	5.8
C07-41	Nguyễn Chí Trung	202	21	5.3
C07-42	Nguyễn Đỗ Tường Vân			
C07-43	Hoàng Ngọc Tường Vy	201	30	7.5
C07-44	Trần Lê Nhật Vy	202	30	7.5
C07-45	Lê Huỳnh Hải Yến	202	18	4.5
C07-46				
C07-47				
C07-48				
C07-49				
C07-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : LÝ 10

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
C08-01	Đặng Hoàng An	202	13	3.3
C08-02	Ninh Thế Anh	201	23	5.8
C08-03	Lê Phương Anh	202	17	4.3
C08-04	Phạm Nguyễn Trâm Anh	203	14	3.5
C08-05	Phạm Gia Bảo	201	32	8
C08-06	Vòng Nhu Bình	202	30	7.5
C08-07	Trịnh Hồng Bửu	204	26	6.5
C08-08	Huỳnh Bảo Châu	203	27	6.8
C08-09	Bùi Hữu Hải Đăng	202	32	8
C08-10	Vũ Quốc Đạt	203	21	5.3
C08-11	Võ Anh Đức	202	24	6
C08-12	Nguyễn Anh Dũng	203	22	5.5
C08-13	Nguyễn Thái Hà	204	17	4.3
C08-14	Nguyễn Ngọc Hân	203	19	4.8
C08-15	Hồ Huỳnh Bảo Hân	202	22	5.5
C08-16	Mai Minh Hiếu	201	28	7
C08-17	Phạm Quốc Hưng	203	28	7
C08-18	Lê Gia Hưng	202	28	7
C08-19	Lê Vũ Thu Hưng	201	33	8.3
C08-20	Lê Ngọc Xuân Hương	202	28	7
C08-21	Trần Lê Vương Bảo Kim	201	26	6.5
C08-22	Trần Ngọc Phương Linh	203	22	5.5
C08-23	Lê Bùi Phúc Minh	201	23	5.8
C08-24	Nguyễn Lâm Gia Minh	204	15	3.8
C08-25	Lý Ngọc My	204	27	6.8
C08-26	Trần Hoàng Khánh Ngọc			
C08-27	Lê Khánh Ngọc	203	26	6.5
C08-28	Ngô Hoàng Gia Nguyễn	202	32	8
C08-29	Trần Nguyễn Quỳnh Như	203	33	8.3
C08-30	Nguyễn Thị Huyền Nhung	204	21	5.3
C08-31	Đoàn Dương Tấn Phát	201	31	7.8
C08-32	Nguyễn Trần Thiên Phước	202	25	6.3
C08-33	Lê Tấn Phước	201	24	6
C08-34	Kiểu Nguyễn Thiên Tâm	201	21	5.3
C08-35	Phạm Thiên Tân	203	22	5.5
C08-36	Phạm Phương Thảo	203	30	7.5
C08-37	Văn Nguyễn Thiên Thư	202	13	3.3
C08-38	Nguyễn Xuân Đan Thùy	201	24	6
C08-39	Nguyễn Trọng Toàn	202	31	7.8
C08-40	Nguyễn Hoàng Minh Trang	201	33	8.3
C08-41	Huỳnh Lê Gia Tuệ	204	33	8.3
C08-42	Lê Hoàng Vinh	203	29	7.3
C08-43	Lưu Kha Khả Vy	203	28	7
C08-44	Trần Ngọc An Vy	202	26	6.5
C08-45				
C08-46				
C08-47				
C08-48				
C08-49				
C08-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : LÝ 10

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
C09-01	Phạm Đăng Quốc An	202	13	3.3
C09-02	Nguyễn Lê Gia An	203	36	9
C09-03	Lê Huỳnh Phương Anh	204	32	8
C09-04	Trương Quốc Bảo	204	30	7.5
C09-05	Phạm Anh Đào	203	22	5.5
C09-06	Đặng Phan Mỹ Duyên	201	31	7.8
C09-07	Nguyễn Lý Gia Hân	201	26	6.5
C09-08	Phạm Thị Ngọc Hân	204	9	2.3
C09-09	Trần Thị Hoàng Hoa	203	23	5.8
C09-10	Lê Minh Hưng	204	30	7.5
C09-11	Âu Bảo Hưng	201	32	8
C09-12	Trần Thị Thanh Huyền	204	20	5
C09-13	Hoàng Phước Tất Khang	202	24	6
C09-14	Nguyễn Quốc Khánh	202	13	3.3
C09-15	Nguyễn Hoàng Minh Khôi	204	29	7.3
C09-16	Nguyễn Hoàng Lan	201	26	6.5
C09-17	Huỳnh Bảo Long	201	20	5
C09-18	Nguyễn Tấn Lực	201	33	8.3
C09-19	Lê Nhật Minh	203	31	7.8
C09-20	Tạ Nguyễn Hoài Nam	202	35	8.8
C09-21	Đỗ Thị Nga	202	15	3.8
C09-22	Nguyễn Khánh Ngân	203	21	5.3
C09-23	Trần Bảo Ngọc	202	18	4.5
C09-24	Trương Thị Bảo Ngọc	201	24	6
C09-25	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi	204	20	5
C09-26	Trần Lê Kiều Oanh	201	23	5.8
C09-27	Phạm Hoàng Phúc	204	23	5.8
C09-28	Nguyễn Vinh Quang	204	14	3.5
C09-29	Đoàn Công Quý	204	21	5.3
C09-30	Lê Thanh Quý	201	21	5.3
C09-31	Nguyễn Thùy Như Quỳnh	202	19	4.8
C09-32	Đỗ Võ Minh Tài	204	21	5.3
C09-33	Trần Quyết Thắng	203	35	8.8
C09-34	Nguyễn Minh Thông	204	27	6.8
C09-35	Nguyễn Thị Anh Thư	203	22	5.5
C09-36	Đinh Thủy Tiên	203	31	7.8
C09-37	Đỗ Quỳnh Trâm	203	20	5
C09-38	Ngô Thị Thủy Trang	202	21	5.3
C09-39	Võ Ngọc Phương Triều	203	15	3.8
C09-40	Trần Thị Tuyết Trinh	204	23	5.8
C09-41	Nguyễn Đức Anh Tuấn	202	29	7.3
C09-42	Vũ Hoàng Phương Uyên	202	22	5.5
C09-43	Trần Phạm Phương Uyên	204	21	5.3
C09-44	Nguyễn Trần Hoàng Việt	201	21	5.3
C09-45	Trần Thanh Vy	201	30	7.5
C09-46				
C09-47				
C09-48				
C09-49				
C09-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : LÝ 10

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
C10-01	Phạm Thị Hoàng An	202	18	4.5
C10-02	Nguyễn Hoàng Ngọc Anh	201	35	8.8
C10-03	Trương Lê Quỳnh Anh	204	24	6
C10-04	Trần Vĩ Chấn	203	21	5.3
C10-05	Lê Anh Đức	203	29	7.3
C10-06	Hồng Huy Hùng	201	22	5.5
C10-07	Phạm Tấn Huy	202	30	7.5
C10-08	Nguyễn Hoàng Khang	203	35	8.8
C10-09	Quảng Minh Khang	204	31	7.8
C10-10	Nguyễn Trường Đăng Khoa	203	20	5
C10-11	Trần Gia Kiên	202	27	6.8
C10-12	Lâm Thế Kiệt	202	25	6.3
C10-13	Nguyễn Thị Yến Linh	204	29	7.3
C10-14	Lê Đình Long	202	18	4.5
C10-15	Nguyễn Nhật Long	203	19	4.8
C10-16	Nguyễn Ngọc Phương Mai	202	24	6
C10-17	Trương Thị Hoàng My	203	31	7.8
C10-18	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	204	27	6.8
C10-19	Phạm Hồng Ngọc	203	16	4
C10-20	Đoàn Vũ Trọng Nhân	201	26	6.5
C10-21	Đoàn Thị Yến Nhi	201	17	4.3
C10-22	Mai Nguyễn Yến Nhi	202	26	6.5
C10-23	Nguyễn Trần Bảo Nhi	203	27	6.8
C10-24	Nguyễn Thụy Hồng Nhung	203	16	4
C10-25	Mai Hoàng Oanh	202	29	7.3
C10-26	Hoàng Phạm Xuân Phúc	201	20	5
C10-27	Nguyễn Thành Phúc	202	21	5.3
C10-28	Hồ Nguyễn Minh Phương	201	31	7.8
C10-29	Nguyễn Lê Hoàng Quân	204	13	8
C10-30	Nguyễn Thái Sơn	202	34	8.5
C10-31	Ngô Thanh Tâm	204	21	5.3
C10-32	Trần Vũ Viết Thành	202	17	4.3
C10-33	Trần Thuận Thiên	201	28	7
C10-34	Đặng Ngọc Kim Thư	204	31	7.8
C10-35	Phạm Thị Minh Thư	201	28	7
C10-36	Lương Nhã Thy	204	11	2.8
C10-37	Đỗ Nhất Tiến	201	27	6.8
C10-38	Nguyễn Ngọc Tiên	203	22	5.5
C10-39	Nguyễn Ngọc Quỳnh Trâm	204	28	7
C10-40	Võ Ngọc Thùy Trâm	201	26	6.5
C10-41	Nguyễn Huỳnh Bảo Trân	201	25	6.3
C10-42	Cù Thanh Minh Trí	201	21	5.3
C10-43	Đặng Bảo Uyên	201	19	4.8
C10-44	Phạm Lê Đăng Vương	204	21	5.3
C10-45				
C10-46				
C10-47				
C10-48				
C10-49				
C10-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : LÝ 10

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
C11-01	Hoàng Ngọc Vân Anh	203	24	6
C11-02	Trần Quốc Anh	202	25	6.3
C11-03	Nguyễn Thị Nguyệt Anh	202	19	4.8
C11-04	Võ Đức Nguyên Bảo	203	28	7
C11-05	Nguyễn Duy Bảo	202	30	7.5
C11-06	Lương Hưng Bảo	201	16	4
C11-07	Vũ Gia Bảo	204	17	4.3
C11-08	Lê Gia Bảo			
C11-09	Huỳnh Phạm Tuấn Đạt	202	23	5.8
C11-10	Ôn Triển Đạt	201	22	5.5
C11-11	Voòng Lập Doanh	201	24	6
C11-12	Cao Hồng Hà	201	27	6.8
C11-13	Nguyễn Ngọc Gia Hân	203	13	3.3
C11-14	Lương Gia Hậu	203	27	6.8
C11-15	Đỗ Trọng Đại Hùng	202	31	7.8
C11-16	Phan Lê Quốc Hưng	202	29	7.3
C11-17	Nguyễn Phúc An Khang	201	34	8.5
C11-18	Nguyễn Quốc Khang	202	34	8.5
C11-19	Nguyễn Minh Khoa	204	21	5.3
C11-20	Vũ Thị Mỹ Linh	201	26	6.5
C11-21	Huỳnh Thị Diễm My	202	18	4.5
C11-22	Nguyễn Ngọc Thảo My	201	27	6.8
C11-23	Nguyễn Hoàng Nam	203	27	6.8
C11-24	Lê Đình Hoàng Nam	204	35	8.8
C11-25	Nguyễn Thị Quỳnh Ngân	202	12	3
C11-26	Cao Bích Kim Ngân	201	31	7.8
C11-27	Nguyễn Phan Hồng Ngọc	202	23	5.8
C11-28	Trần Thị Bảo Ngọc	203	29	7.3
C11-29	Thái Xuân Nhi	202	24	6
C11-30	Lê Ngọc Quỳnh Như	204	23	5.8
C11-31	Nguyễn Thị Phương Như	201	31	7.8
C11-32	Trần Kiều Oanh	203	26	6.5
C11-33	Phạm Quang Phú	202	25	6.3
C11-34	Nguyễn Thị Diệu Quyên	201	17	4.3
C11-35	Nguyễn Văn Sang	204	29	7.3
C11-36	Trần Thị Diệu Thảo	204	18	4.5
C11-37	Phan Nguyên Thư	202	24	6
C11-38	Nguyễn Khánh Anh Thư	203	21	5.3
C11-39	Nguyễn Thị Minh Thư	202	24	6
C11-40	Đặng Ngọc Anh Thư	201	31	7.8
C11-41	Trần Thị Như Tường	202	17	4.3
C11-42	Lê Huỳnh Thảo Uyên	203	16	4
C11-43	Trần Hoàng Việt	204	35	8.8
C11-44	Thái Ngọc Tường Vy	204	19	4.8
C11-45	Huỳnh Thị Kim Vy	203	33	8.3
C11-46				
C11-47				
C11-48				
C11-49				
C11-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : LÝ 10

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
C12-01	Nguyễn Phương Anh	201	21	5.3
C12-02	Đặng Hoàng Anh	204	15	3.8
C12-03	Đào Ngọc Anh	201	28	7
C12-04	Nguyễn Thị Phương Anh	202	19	4.8
C12-05	Trần Ngô Hoàng Bách	203	28	7
C12-06	Hứa Nguyễn Bảo Châu	204	28	7
C12-07	Lương Anh Dương	204	22	5.5
C12-08	Cao Nguyễn Đại Gia	201	17	4.3
C12-09	Lê Đặng Hương Giang	202	16	4
C12-10	Nguyễn Trần Duy Hải	202	26	6.5
C12-11	Nguyễn Trần Ngọc Hân	202	16	4
C12-12	Nguyễn Thị Lê Hằng	201	15	3.8
C12-13	Ngô Minh Huy	203	23	5.8
C12-14	Nguyễn Gia Huy	204	24	6
C12-15	Trần Minh Khôi	201	25	6.3
C12-16	Trần Xuân Bảo Long	204	23	5.8
C12-17	Trần Đình Nhật Luân	202	27	6.8
C12-18	Nguyễn Triệu Mẫn	204	27	6.8
C12-19	Hồ Thị Trà My	204	30	7.5
C12-20	Lê Thanh Nam	204	20	5
C12-21	Lê Nguyễn Thanh Ngân	204	36	9
C12-22	Võ Thị Bảo Nhi	201	17	4.3
C12-23	Nguyễn Nhật Thủy Như	202	15	3.8
C12-24	Đỗ Gia Phú	203	21	5.3
C12-25	Nguyễn Đức Phú	202	13	3.3
C12-26	Vũ Gia Phú	201	20	5
C12-27	Phạm Huỳnh Phúc	203	31	7.8
C12-28	Dương Minh Quân	203	27	6.8
C12-29	Đào Duy Quang	201	13	3.3
C12-30	Nguyễn Thị Kim Quý	202	25	6.3
C12-31	Nguyễn Hữu Quyền	202	24	6
C12-32	Đỗ Ngọc Như Quỳnh	201	34	8.5
C12-33	Huỳnh Thị Như Quỳnh	204	29	7.3
C12-34	Lê Phan Như Quỳnh	203	16	4
C12-35	Võ Trần Vi Sa	201	35	8.8
C12-36	Nguyễn Phương Thảo	201	26	6.5
C12-37	Lê Hạnh Phương Thảo	203	25	6.3
C12-38	Nguyễn Thị Vũ Thư	204	24	6
C12-39	Khổng Ngọc Yến Thy	201	21	5.3
C12-40	Cao Tôn Bảo Trần	202	34	8.5
C12-41	Cao Tiến Triển	204	17	4.3
C12-42	Huỳnh Ngọc Van	202	14	3.5
C12-43	Nguyễn Ngọc Bảo Yến	201	24	6
C12-44				
C12-45				
C12-46				
C12-47				
C12-48				
C12-49				
C12-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : LÝ 10

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
C13-01	Trần Tuấn Anh	203	16	4
C13-02	Nguyễn Võ Ngọc Anh	204	18	4.5
C13-03	Nguyễn Thị Trâm Anh	201	24	6
C13-04	Phan Mai Quỳnh Anh	202	35	8.8
C13-05	Bùi Bảo Bình	201	18	4.5
C13-06	Vũ Khánh Chi	204	21	5.3
C13-07	Võ Thành Đạt	204	25	6.3
C13-08	Vương Hoàng Gia	204	16	4
C13-09	Lê Trinh Trường Giang	203	30	7.5
C13-10	Nguyễn Thanh Hà			
C13-11	Nguyễn Thanh Hải	201	23	5.8
C13-12	Lê Hoài Hân	204	19	4.8
C13-13	Nguyễn Thị Thúy Hiền	202	24	6
C13-14	Nguyễn Xuân Hùng	203	35	8.8
C13-15	Phạm Đỗ Gia Hưng	203	25	6.3
C13-16	Hạp Thị Ngọc Huyền	203	20	5
C13-17	Trần Dương Tâm Hy	202	15	3.8
C13-18	Quách Anh Khôi	204	18	4.5
C13-19	Nguyễn Thị Diễm Kiều	203	30	7.5
C13-20	Nguyễn Hoàng Thành Long	201	13	3.3
C13-21	Trần Hoàng Long	202	15	3.8
C13-22	Vũ Nam	201	34	8.5
C13-23	Phạm Thị Thanh Ngân	203	17	4.3
C13-24	Nguyễn Trần Bảo Nghi	204	25	6.3
C13-25	Huỳnh Lê Thành Nhân	201	28	7
C13-26	Nguyễn Thị Linh Nhi			
C13-27	Võ Thị Tú Nhi	204	19	4.8
C13-28	Phan Minh Nhứt	202	18	4.5
C13-29	Nguyễn Minh Kim Nương	203	31	7.8
C13-30	Nguyễn Lê Quang Phát	204	28	7
C13-31	Nguyễn Tấn Phát	201	26	6.5
C13-32	Nguyễn Lê Quang Phước	204	30	7.5
C13-33	Lê Kim Phụng	204	22	5.5
C13-34	Nguyễn Nho Nam Phương	202	23	5.8
C13-35	Đặng Nguyễn Đình Thái	201	14	3.5
C13-36	Nguyễn Thị Phương Thanh	201	19	4.8
C13-37	Trần Ngọc Anh Thư	203	34	8.5
C13-38	Nguyễn Ngọc Minh Thư	202	29	7.3
C13-39	Phạm Kim Thư	203	22	5.5
C13-40	Mai Minh Trung	203	21	5.3
C13-41	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	202	32	8
C13-42	Lê Võ Ngọc Vinh	202	23	5.8
C13-43	Nguyễn Tường Vy	202	27	6.8
C13-44	Nguyễn Ngọc Phương Vy	203	29	7.3
C13-45	Dương Như Y	203	22	5.5
C13-46				
C13-47				
C13-48				
C13-49				
C13-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : LÝ 10

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
C14-01	Lê Thị Phương Anh	203	33	8.3
C14-02	Nguyễn Minh Anh	202	15	3.8
C14-03	Nguyễn Lê Thế Bảo	201	15	3.8
C14-04	Nguyễn Thành Bảo	202	27	6.8
C14-05	Phan Nhật Thanh Châu	201	17	4.3
C14-06	Nguyễn Phạm Nhật Cường	202	10	2.5
C14-07	Đặng Phúc Điền	201	20	5
C14-08	Phan Bá Đức	202	26	6.5
C14-09	Nguyễn Thùy Dương	201	26	6.5
C14-10	Nguyễn Quốc Duy	203	18	4.5
C14-11	Lê Phước Ngân Hà	203	20	5
C14-12	Lê Nguyễn Toàn Hiến	201	17	4.3
C14-13	Nguyễn Mai Hồng Hoa	202	23	5.8
C14-14	Nguyễn Trần Đình Hưng			
C14-15	Hoàng Nguyên Khoa	201	17	4.3
C14-16	Trần Quốc Lãm	202	24	6
C14-17	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	204	28	7
C14-18	Hoàng Thị Ngọc Mai	203	18	4.5
C14-19	Nguyễn Hoàng Minh	202	19	4.8
C14-20	Trịnh Thị Kim Nga	203	23	5.8
C14-21	Nguyễn Lâm Kim Ngân	202	15	3.8
C14-22	Đặng Thị Thuý Ngân	203	16	4
C14-23	Lâm Thanh Ngân	204	28	7
C14-24	Nguyễn Kim Ngân	201	12	3
C14-25	Hà Huỳnh Bảo Ngọc	204	20	5
C14-26	Nguyễn Thị Bích Ngọc	201	32	8
C14-27	Kung Uy Nhơn			
C14-28	Huỳnh Như	203	16	4
C14-29	Trần Hữu Phước	201	24	6
C14-30	Phan Yến Phương	203	20	5
C14-31	Định Chí Minh Quân	202	23	5.8
C14-32	Võ Minh Quân	203	19	4.8
C14-33	Nguyễn Phú Quốc	203	26	6.5
C14-34	Trần Ngọc Diễm Quỳnh	202	28	7
C14-35	Trần Phương Quỳnh	203	19	4.8
C14-36	Lý Tuấn Tài	201	14	3.5
C14-37	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	202	20	5
C14-38	Nguyễn Phương Thảo	202	22	5.5
C14-39	Phạm Minh Thông	201	27	6.8
C14-40	Nguyễn Khoa Minh Thư	204	13	3.3
C14-41	Trần Thị Ngọc Thương	201	31	7.8
C14-42	Trần Ngọc Tiến	204	23	5.8
C14-43	Lê Đỗ Tường Vi	204	22	5.5
C14-44				
C14-45				
C14-46				
C14-47				
C14-48				
C14-49				
C14-50				

ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 1 - MÔN : LÝ 10

Mã số	Họ và tên HS	Mã đề	số câu đúng	ĐIỂM
C15-01	Nguyễn Trần Phúc An	201	13	3.3
C15-02	Trần Kiều Anh	201	32	8
C15-03	Nguyễn Gia Bảo	203	30	7.5
C15-04	Ngô Thiên Bảo	204	23	5.8
C15-05	Trần Hải Đông	203	28	7
C15-06	Nguyễn Bách Khang Duy	202	27	6.8
C15-07	Nguyễn Ngọc Thanh Hà	204	29	7.3
C15-08	Phạm Gia Hân	203	19	4.8
C15-09	Lù Mỹ Hằng	202	33	8.3
C15-10	Trần Gia Ngọc Hòa	204	26	6.5
C15-11	Nguyễn Gia Huy	201	34	8.5
C15-12	Phan Nguyễn Nam Khôi	203	29	7.3
C15-13	Quách Học Kỳ	202	33	8.3
C15-14	Nguyễn Thị Yến Linh	203	24	6
C15-15	Lương Nguyễn Khánh Linh	202	26	6.5
C15-16	Huỳnh Phước Lộc	201	35	8.8
C15-17	Đào Thiên Long	203	35	8.8
C15-18	Bach Thanh Mai	204	22	5.5
C15-19	Nguyễn Hồ Gia Minh	203	26	6.5
C15-20	Ngô Công Minh	204	34	8.5
C15-21	Ngô Kim Ngân	202	23	5.8
C15-22	Trần Kim Ngân	203	22	5.5
C15-23	Huỳnh Thuý Mỹ Ngọc	202	28	7
C15-24	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	204	14	3.5
C15-25	Trần Lê Khoa Nguyên	203	24	6
C15-26	Đỗ Thi Quỳnh Như	202	13	3.3
C15-27	Nguyễn Khải Phát	202	35	8.8
C15-28	Đinh Tiến Phát	203	35	8.8
C15-29	Huỳnh Hồng Phúc	204	13	3.3
C15-30	Vô Quảng	202	22	5.5
C15-31	Bùi Thái Phương Quyên	204	21	5.3
C15-32	Nguyễn Như Quỳnh	204	28	7
C15-33	Đỗ Phạm Hoàng Sơn			
C15-34	Nguyễn Ngọc Tài	202	19	4.8
C15-35	Phan Nguyễn Minh Thư	201	23	5.8
C15-36	Nguyễn Triều Thy	202	19	4.8
C15-37	Ngô Mỹ Tiên	202	13	3.3
C15-38	Nguyễn Huỳnh Bảo Trâm	204	16	4
C15-39	Đào Phương Thùy Trang	203	20	5
C15-40	Nguyễn Phan Kiều Trinh	201	22	5.5
C15-41	Trần Hoàng Tuấn	201	20	5
C15-42	Nguyễn Ngọc Tường Vân	203	29	7.3
C15-43				
C15-44				
C15-45				
C15-46				
C15-47				
C15-48				
C15-49				
C15-50				